

## THÔNG BÁO

### Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thanh lý năm 2026

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Văn bản số 1566/BTP-BTTP ngày 29/4/2020 của Bộ Tư pháp về việc thi hành Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-EVN ngày 06/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý tài sản, nguồn vốn và huy động vốn trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Biên bản số 384/ TĐTA-BB ngày 30/03/2026 của Hội đồng thanh lý tài sản Công ty Thủy điện Trị An về việc họp thông qua giá khởi điểm và giá trị đề nghị thu hồi tài sản thanh lý năm 2026; thông qua danh mục phân lô tài sản thanh lý năm 2026 và tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-TĐTA ngày 31/03/2026 của Công ty Thủy điện Trị An về việc phê duyệt giá trị thu hồi, giá khởi điểm bán thanh lý tài sản năm 2026;

Công ty Thủy điện Trị An – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam là đơn vị có tài sản đấu giá thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để bán đấu giá vật tư thiết bị, tài sản cố định năm 2026 với nội dung như sau:

#### **1. Tên, địa chỉ của Đơn vị có tài sản bán đấu giá:**

- Tên Đơn vị: Công ty Thủy điện Trị An - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Địa chỉ: Tổ 3B đường Phan Chu Trinh, ấp Vĩnh An 8, xã Trị An, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**2. Tài sản bán đấu giá:** bao gồm 02 lô (Danh mục chi tiết theo phụ lục I đính kèm):

**Lô 1:** Vật tư thiết bị kém phẩm chất, ứ đọng không cần dùng.

**Lô 2:** Vật tư thiết bị kém phẩm chất và tài sản cố định hết khấu hao, hỏng, không cần dùng có chất thải nguy hại.

#### **3. Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá:**

**Lô 1:** Vật tư thiết bị kém phẩm chất, ứ đọng không cần dùng.

- Giá khởi điểm: 579.064.908 đồng.

- Thuế GTGT 10%: 57.906.491 đồng.
- Giá trị sau thuế: 636.971.399 đồng.

(*Bằng chữ: Sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn, ba trăm chín mươi chín đồng.*)

**Lô 2:** Vật tư thiết bị kém phẩm chất và tài sản cố định hết khấu hao, hỏng, không cần dùng có chất thải nguy hại.

- Giá khởi điểm: 359.016.300 đồng.
- Thuế GTGT 10%: 35.901.630 đồng.
- Giá trị sau thuế: 394.917.930 đồng.

(*Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu, chín trăm mười bảy ngàn, chín trăm ba mươi đồng.*)

#### **4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36; các điểm a, b, e, i khoản 45; điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản (Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 của Quốc hội), Điều 33 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp và Phụ lục II của Thông báo này.

#### **5. Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:**

Người có tài sản đấu giá căn cứ các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp và các tiêu chí quy định tại phụ lục II của Thông báo này để đánh giá, chấm điểm các hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì người có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức này theo thứ tự ưu tiên sau: Ưu tiên lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có số lượng các hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện cho các đơn vị thành viên EVN đã thực hiện thành công trong năm trước liền kề nhiều nhất.

##### **❖ Các lưu ý:**

- Năm trước liền kề được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm liền trước năm có thời điểm tổ chức phiên bán đấu giá tài sản (ví dụ: tháng 03/2026 Đơn vị tổ chức đấu giá tài sản thì năm trước liền kề là từ 01/01/2025 đến hết 31/12/2025).

- Đối với các trường hợp trừ điểm theo quy định tại các khoản 5, 6 và 7 Điều 35 Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp, thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ tham gia quá trình lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để áp dụng tính trừ điểm (nếu có) được tính bắt đầu từ ngày 08/04/2025.

- Đơn vị (Tổ chức hành nghề đấu giá) có khiếu nại với đơn vị tổ chức hành nghề đấu giá khác, yêu cầu đơn vị khiếu nại phải đệ trình cho đơn vị có tài sản các bằng chứng hợp pháp, hợp lệ chứng minh cho nội dung khiếu nại của mình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bằng chứng đã đệ trình.

- Đơn vị (Tổ chức hành nghề đấu giá) bị khiếu nại có trách nhiệm đệ trình cho đơn vị có tài sản các bằng chứng hợp pháp, hợp lệ (bản chính) chứng minh tính xác thực của hồ sơ nộp xét lựa chọn tổ chức đấu giá ngay khi nhận được yêu cầu của đơn vị có tài sản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các bằng chứng đã đệ trình.

- Trong vòng 3 ngày tính từ ngày công khai kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá, nếu không có Đơn vị nào gửi ý kiến khiếu nại bằng văn bản, Công ty Thủy điện Trị An sẽ không giải quyết tất cả những ý kiến khiếu nại phát sinh sau 3 ngày nêu trên.

- Trường hợp: Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có từ 02 (hai) Quy chế cuộc đấu giá trở lên thì Tổ chức hành nghề đấu giá gửi hồ sơ kèm theo Quy chế cuộc đấu giá.

- Tổ chức hành nghề đấu giá gửi file excel danh sách các cuộc đấu giá tại mục IV.1, IV.2, IV.3, IV.4.

- Trong quá trình đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, nếu cần thêm hồ sơ thì người có tài sản đấu giá sẽ liên hệ tổ chức hành nghề đấu giá bổ sung.

## **6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:**

Thời gian nhận hồ sơ: Thời gian nhận hồ sơ đến 16h00 ngày 07/04/2026 (trong giờ hành chính không tính các ngày Lễ và ngày được nghỉ theo quy định).

Địa điểm nhận hồ sơ:

### **CÔNG TY THỦY ĐIỆN TRỊ AN - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Áp Vĩnh An 3, Xã Trị An, Tỉnh Đồng Nai.

*Gửi Phòng Tài chính Kế toán, Điện thoại: 033.4814.960.*

Các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản muốn đăng ký tham gia có thể nộp 1 bộ hồ sơ trực tiếp địa chỉ Công ty hoặc gửi chuyển phát bằng đường bưu điện (*hồ sơ gửi chuyển phát bằng đường bưu điện được tính theo thời gian Công ty Thủy điện Trị An nhận được hồ sơ*).

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ đăng ký tham gia yêu cầu trình bày hồ sơ theo thứ tự và tự chấm điểm cho các tiêu chí như phụ lục II đính kèm.

Sau khi lựa chọn được tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, Công ty Thủy điện Trị An sẽ thông báo kết quả trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia: <https://dgts.moj.gov.vn/>. Đồng thời Công ty Thủy điện Trị An chỉ thông báo bằng văn bản cho tổ chức hành nghề đấu giá được lựa chọn và tất cả hồ sơ sẽ không hoàn trả.

Công ty Thủy điện Trị An thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để đăng ký tham gia./.

***Nơi nhận:***

- Các thành viên Hội đồng thanh lý;
- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Lưu: VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hữu Khánh Ngọc**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC VẬT THIẾT BỊ KÉM PHẨM CHẤT, Ứ ĐỘNG KHÔNG CẦN DỪNG VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HẾT KHẤU HAO, HỎNG, KHÔNG CẦN DỪNG CÓ CHẤT THẢI NGUY HẠI THANH LÝ NĂM 2026**

| <b>Số TT</b> | <b>Tên và quy cách vật tư thiết bị, tài sản cố định</b>                     | <b>ĐVT</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|---|------------|-----------------|----------------|
| <b>I</b>     | <b>Lô 1: Vật tư thiết bị kém phẩm chất, ứ động không cần dừng</b>           |            |                 |                |
| 1            | Sắt phế liệu  | Kg         | 29.822,97       |                |
| 2            | Tôn phế liệu  | Kg         | 8.254,81        |                |
| 3            | Đồng phế liệu   | Kg         | 34,5            |                |
| 4            | Nhôm phế liệu   | Kg         | 58,4            |                |
| 5            | Dây điện đồng 1*10 mm <sup>2</sup>  | Mét        | 28              |                |
| 6            | Dây điện đơn mềm 1*1,5mm <sup>2</sup>                                       | Mét        | 260             |                |
| 7            | Cáp điện đồng 3*70+1*50 mm  | Mét        | 50              |                |
| 8            | Tủ điện các loại  | Cái        | 2               |                |
| 9            | Tủ nguồn điều khiển máy điều hòa 600*400*200 mm                             | Cái        | 2               |                |
| 10           | Vỏ tủ điện 1000*600*480mm tủ điều khiển van chữa cháy T4                    | Tủ         | 1               |                |
| 11           | Vỏ tủ điện 1600*600*600 tủ điều khiển bơm làm mát T4                        | Tủ         | 1               |                |
| 12           | Nhựa phế liệu   | Kg         | 8,1             |                |
| 13           | Động cơ FK-3/4  | Bộ         | 2               |                |
| 14           | Bộ làm mát gió máy phát   | Bộ         | 2               |                |
| 15           | Máy khoan, máy bắt vít, máy mài, máy đục, máy hút thổi bụi cầm tay các loại | Cái        | 18              |                |
| 16           | Máy hàn   | Cái        | 1               |                |
| 17           | Dây điện các loại   | Kg         | 3               |                |
| 18           | Áp tô mát 3 pha các loại  | Cái        | 16              |                |
| 19           | Rò le cờ hiệu các loại  | Cái        | 34              |                |
| 20           | Rò le trung gian AC các loại  | Cái        | 26              |                |
| 21           | Rò le bảo vệ đường dây (Nga)  | Cái        | 2               |                |
| 22           | Biến áp 786/380 V kích từ   | Cái        | 2               |                |
| 23           | Vỏ tủ điện 0,4*1,15*2,17m   | Tủ         | 8               |                |
| 24           | Vỏ tủ điện 0,8*1,2*2,17m (A2.0; A4.2) – Liên                                | Tủ         | 2               |                |

| Số TT     | Tên và quy cách vật tư thiết bị, tài sản cố định   | ĐVT | Số lượng | Ghi chú |
|-----------|--|-----|----------|---------|
|           | xô   |     |          |         |
| 25        | Vỏ tủ điện 0,8*1,2*2,17m (A2.1 ; A2.2; A4.1; A4.2)– Liên xô  | Tủ  | 4        |         |
| 26        | Vỏ tủ điện 0,8*1,2*2,17m (2.1; 3.1;6.1; 7.1) – Liên xô   | Tủ  | 8        |         |
| 27        | Vỏ tủ điện 0,8*1,2*2,17m 5.1 – Liên xô   | Tủ  | 2        |         |
| 28        | Vỏ đèn pha led   | Cái | 5        |         |
| 29        | Vỏ đèn cao áp 150 W  | Cái | 1        |         |
| 30        | Cáp mạng Cat5e   | Mét | 56       |         |
| 31        | Động cơ kẹp ray 1,5kW - 4AM 8084T1   | Cái | 1        |         |
| 32        | Máy biến áp cách ly 1 pha 786/250 V  | Máy | 2        |         |
| 33        | Máy kéo thang máy  | Cái | 1        |         |
| 34        | Đầm dùi bê tông BC - 38  | Cái | 1        |         |
| 35        | Máy trộn bê tông   | Cái | 1        |         |
| 36        | Máy cắt đá 4112 HS   | Cái | 1        |         |
| 37        | Máy cắt cỏ Mitsubishi  | Cái | 1        |         |
| 38        | Máy xịt rửa áp lực   | Cái | 1        |         |
| 39        | Công sắt điện  | Cái | 1        |         |
| 40        | Đồng hồ áp suất các loại   | Cái | 46       |         |
| 41        | Đồng hồ đo nhiệt độ có tiếp điểm   | Cái | 2        |         |
| 42        | Đồng hồ SYNCHROSCPE  | Cái | 2        |         |
| 43        | Biến trở từ điều tốc PLP 5Kohm   | Cái | 2        |         |
| 44        | Trụ điện bê tông   | Trụ | 1        |         |
| 45        | Ruột xe 15.5-38  | Cái | 1        |         |
| 46        | Piston van trượt kích thích  | Cái | 1        |         |
| 47        | Bộ biến đổi điện từ  | Bộ  | 1        |         |
| 48        | Chốt hãm phanh palan   | Cái | 6        |         |
| 49        | Gioăng cao su tam giác 22*15   | Mét | 155,1    |         |
| <b>II</b> | <b>Lô 2: Vật tư thiết bị kém phẩm chất và tài sản cố định hết khấu hao, hỏng, không cần dùng có chất thải nguy hại</b> |     |          |         |
| 1         | Máy nước nóng lạnh   | Cái | 1        |         |
| 2         | Máy điều hòa 2 cục   | Bộ  | 2        |         |

| <b>Số TT</b> | <b>Tên và quy cách vật tư thiết bị, tài sản cố định</b> | <b>DVT</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|--------------|---|------------|-----------------|----------------|
| 3            | Máy điều hòa 2 cục 1,5HP                                | Cái        | 2               |                |
| 4            | Máy điều hoà nhiệt độ 2 cục 2HP                         | Cái        | 1               |                |
| 5            | Máy điều hoà nhiệt độ 2 cục 1HP                         | Cái        | 9               |                |
| 6            | Máy điều hòa Daikin 20HP FR20MBYE                       | Bộ         | 2               |                |
| 7            | Biến dòng điện 110kV                                    | Bộ         | 3               |                |
| 8            | Bộ làm mát dầu ổ đỡ máy phát                            | Cái        | 19              |                |
| 9            | Bộ làm mát dầu ổ hướng máy phát                         | Bộ         | 9               |                |
| 10           | Tủ lạnh Liên xô   | Cái        | 2               |                |
| 11           | Tủ lạnh Sanyo   | Cái        | 1               |                |
| 12           | Máy nén khí 2 cấp GIS GS3                               | Cái        | 1               |                |

**Phụ lục II**  
**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM**  
**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

| <b>TT</b>  | <b>NỘI DUNG</b>  | <b>MỨC TỐI ĐA</b>         |
|------------|--|---------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>  |                           |
| 1.         | <i>Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <i>Đủ điều kiện</i>       |
| 2.         | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>  | <i>Không đủ điều kiện</i> |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>  | <b>19,0</b>               |
| 1.         | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>   | <b>10,0</b>               |
| 1.1        | <i>Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc</i>   | 5,0                       |
| 1.2        | <i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện</i>  | 5,0                       |
| 2.         | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>   | <b>5,0</b>                |
| 2.1        | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>  | 2,0                       |
| 2.2        | <i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>  | 3,0                       |
| 3.         | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b><br><b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b> | <b>2,0</b>                |
| 4.         | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</b>  | <b>1,0</b>                |
| 5.         | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>  | <b>1,0</b>                |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>   | <b>16,0</b>               |
| 1.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>   | <b>4,0</b>                |
| 1.1        | <i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>   | 2,0                       |
| 1.2        | <i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>   | 2,0                       |
| 2.         | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp</b>  | <b>4,0</b>                |

| TT  | NỘI DUNG   | MỨC TỐI ĐA  |
|-----|--|-------------|
|     | <i>nhận hồ sơ)</i>   |             |
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</b>  | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | <i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>  | 2,0         |
| 3.2 | <i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>   | 2,0         |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>   | <b>4,0</b>  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>   | <b>57,0</b> |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   | <b>15,0</b> |
| 1.1 | <i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>  | 12,0        |
| 1.2 | <i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>   | 13,0        |
| 1.3 | <i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>   | 14,0        |
| 1.4 | <i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>  | 15,0        |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | <b>7,0</b>  |
| 2.1 | <i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>  | 4,0         |
| 2.2 | <i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>   | 5,0         |
| 2.3 | <i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>   | 6,0         |
| 2.4 | <i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>  | 7,0         |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.              | <b>7,0</b>  |
| 3.1 | <i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>  | 4,0         |
| 3.2 | <i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>   | 5,0         |
| 3.3 | <i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>   | 6,0         |
| 3.4 | <i>Từ 50 cuộc trở lên</i>  | 7,0         |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. | <b>3,0</b>  |

| TT  | NỘI DUNG   | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--|------------|
|     | Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.   |            |
| 4.1 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>   | 3,0        |
| 4.2 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br/>Số điểm của B = (U x 3)/Y</i>  |            |
| 4.3 | <i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y</i>  |            |
| 5.  | <b><i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.   | 7,0        |
| 5.1 | <i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>  | 4,0        |
| 5.2 | <i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>  | 5,0        |
| 5.3 | <i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>  | 6,0        |
| 5.4 | <i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>  | 7,0        |
| 6.  | <b><i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | 4,0        |
| 6.1 | <i>01 đấu giá viên</i>   | 2,0        |
| 6.2 | <i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>  | 3,0        |
| 6.3 | <i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>  | 4,0        |
| 7.  | <b><i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <a href="#">05/2005/NĐ-CP</a> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <a href="#">17/2010/NĐ-CP</a> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i></b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0        |
| 7.1 | <i>Dưới 05 năm</i>   | 2,0        |
| 7.2 | <i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>   | 3,0        |

| TT  | NỘI DUNG   | MỨC TỐI ĐA |
|-----|--|------------|
| 7.3 | <i>Từ 10 năm trở lên</i>   | 4,0        |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.  | 5,0        |
| 8.1 | <i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>  | 3,0        |
| 8.2 | <i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>   | 4,0        |
| 8.3 | <i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>   | 5,0        |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0        |
| 9.1 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>  | 3,0        |
| 9.2 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>  | 4,0        |
| 9.3 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>   | 5,0        |
| V   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>  | 7,0        |
| 1.  | <b>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.</b>   | 4,0        |
| 1.1 | <i>Có</i>  | 4,0        |
| 1.2 | <i>Không</i>   | 0          |
| 2.  | <b>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó</b>  | 3,0        |
|     | <b>Tổng số điểm</b>  | <b>99</b>  |

### Ghi chú:

1. Tiêu chí đánh giá chấm điểm tại Phụ lục này không bao gồm tài sản đấu giá là biển số xe theo quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức tự nguyện đấu giá.

2. Cuộc đấu giá thành quy định tại mục 1, mục 2, mục 3 và mục 4 phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá có ít nhất một tài sản đấu giá thành. Cuộc đấu giá không thành quy định tại mục 1 Phần IV Phụ lục này là cuộc đấu giá không có tài sản nào đấu giá thành và thuộc trường hợp quy định tại Điều 52 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 33 và điểm q khoản 45 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

3. Năm trước liền kề tại mục 4 phần II, mục 1, mục 2, mục 3, mục 4 và mục 9 phần IV Phụ lục này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

4. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/01 đến ngày 31/3 hàng năm thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước của năm liền kề. Trường hợp tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia lựa chọn từ ngày 01/4 hàng năm trở đi thì số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước được tính theo kỳ tính thuế của năm trước liền kề.

5. Hồ sơ tham gia lựa chọn do tổ chức hành nghề đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động đấu giá tài sản; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng đấu giá tài sản quốc gia trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

6. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản đấu giá không được yêu cầu tổ chức hành nghề đấu giá tài sản nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.